

Tình hình nghiên cứu về thơ ca của các nữ thi nhân trong *Toàn Đường thi* và *Manyoshu*

Nguyễn Anh Tuấn^(*)

Tóm tắt: *Toàn Đường thi* là đại diện cho thời kỳ thơ ca phát triển nhất trong lịch sử văn học Trung Quốc, còn *Manyoshu* được coi là “ngọn hải đăng của thơ ca Nhật Bản”. *Toàn Đường thi* do Tào Dân và Bành Định Cầu biên soạn thời Khang Hy gồm 900 quyển, ghi lại 49.403 bài thơ của 2.873 tác giả, trong khi *Manyoshu*, tương truyền được Otomo no Yakamochi biên soạn vào nửa cuối thế kỷ thứ VIII, bao gồm 4.516 bài thơ thuộc nhiều thể loại khác nhau. Thông qua hai bộ tổng tập thi ca đồ sộ này, chúng ta cũng có thể nhận thấy, trong số hàng nghìn nhà thơ đóng góp vào sự hình thành của hai bộ tổng tập này, có không ít nữ thi nhân. Mặc dù trước tác của họ không nhiều và chưa nhận được sự đánh giá cao như ba cây đại thụ lớn trong thơ ca thời Đường (Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị) (đối với trường hợp *Toàn Đường thi*) hay “Vạn Diệp ngũ đại gia” (đối với trường hợp *Manyoshu*), nhưng đặt trong dòng chảy của lịch sử văn học cổ điển Trung Hoa và Nhật Bản, 251 nữ thi nhân trong hai bộ thi tuyển cùng 1109 bài thơ cũng có một vị trí nhất định mà chúng ta khó có thể phủ nhận được. Bài viết sẽ cung cấp một cái nhìn tổng quan về tình hình nghiên cứu thơ ca của các nữ thi nhân trong hai bộ thi tuyển nêu trên, đồng thời đánh giá những thành tựu và hạn chế trong một số công trình tiêu biểu, từ đó khơi gợi một vài hướng đi tiềm năng để các học giả Việt Nam có thể góp sức mình cho lĩnh vực nghiên cứu thơ ca cổ điển châu Á nói chung và thơ ca nữ giới nói riêng.

Từ khóa: *Toàn Đường thi*, *Manyoshu*, Nữ thi nhân, Thơ ca

I. Tình hình nghiên cứu thơ ca phụ nữ trong *Toàn Đường thi* và *Manyoshu*

1. Khuynh hướng nghiên cứu

Các nghiên cứu về thơ ca phụ nữ trong *Toàn Đường thi* và *Manyoshu* có thể quy về 3 khuynh hướng chính:

(a) Hướng thứ nhất là nghiên cứu tổng quan về thơ ca của các nhà thơ nữ trong

từng bộ thi tuyển. Cụ thể, các công trình tiêu biểu trong mảng nghiên cứu tổng quan về thơ ca phụ nữ trong *Toàn Đường thi* bao gồm: *Nữ thi nhân thời Đường* (Lục Tinh Thanh, 1931); *Nghiên cứu nữ thi nhân thời Đường* (Trương Huệ Quyên, 1978); *Nghiên cứu chốn màn khuê: Các nữ thi nhân thời Đường* (Tô Giả Thông, 1991); *Bích ngọc hồng tiên tả tự tùy: Tổng luận về thơ ca phụ nữ thời Đường* (Nghiem Kỳ Hoa, 2004); *Nghiên cứu thơ ca phụ nữ thời Đường - Ngũ Đại* (Quách Hải Văn, 2004); *Nghiên cứu*

^(*)NCS., Khoa Đông phương học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: natos2901@gmail.com

thơ ca của các nhà thơ phụ nữ trong thơ Đường (Tăng Vĩnh Thi, 2009); *Nghiên cứu các nhà thơ nữ thời Đường* (Dương Tuyết, 2015). Trong khi đó, *Các nhà thơ nữ xuất hiện trong Manyoshu và thơ ca của họ* (Seki Misao, 1929); *Giải thích và bình luận các tác gia trong Manyoshu (tập 7): Các nhà thơ nữ* (Kawada Jun, 1936); *Thơ ca của phụ nữ trong Manyoshu* (Hội Ofu, 1940); *Phụ nữ trong Manyoshu* (Higuchi Kiyoyuki, 1978); *Phụ nữ trong Manyoshu* (Takaki Hakase, 1973); *Các nhà thơ nữ trong Manyoshu* (Terada Tooru, 1975); *Nghiên cứu về các nhà thơ nữ trong Manyoshu* (Hattori Yumiko, 1984); *Những người phụ nữ trong Manyoshu* (Yamamoto Fujie, 1985); *Manyoshu của những người phụ nữ* (Trung tâm Lịch sử Manyo thành phố Takaoka, 2007) là những đại diện cho mảng nghiên cứu tổng quan về thơ ca phụ nữ trong *Manyoshu*.

(b) Hướng thứ hai là nghiên cứu một bộ phận thơ ca của các nhà thơ nữ trong từng bộ thi tuyển. Bộ phận đó có thể là thi phẩm của một nhóm các tác gia, cũng có thể là một nhóm các bài thơ có cùng đề tài hoặc một hiện tượng văn học cụ thể nào đó. Khuynh hướng nghiên cứu này được ứng dụng tương đối rộng rãi đối với thơ ca của các nhà thơ nữ thời Đường trong *Toàn Đường thi* với nhiều công trình đặc sắc như: *Thơ ca nữ quan và xưởng kỹ thời Đường* (Trương Tu Dung, 1986); *Nghiên cứu thơ ca phụ nữ cung đình và phụ nữ khuê các thời Đường* (Vương Tư Nhã, 2000); *Nghiên cứu thơ ca Lý Dã, Tiết Đào, Ngự Huyền Cơ* (Chu Minh Trinh, 2002); *Nghiên cứu thơ khuê oán của phụ nữ thời Đường* (Tăng Lợi Lợi, 2004); *Nghiên cứu thơ tình yêu của phụ nữ thời Đường* (Vi Ý Na, 2005); *Nghiên cứu thơ ca của các nữ*

quan thời Đường (Đại Hiều Đông, 2006); *Nghiên cứu thơ ca xưởng kỹ thời Đường* (Thạch Nghi Sơn, 2008); *Nghiên cứu thơ ca của thương phụ thời Đường* (Đồng Diễm Linh, 2012); *Nghiên cứu sáng tác thơ ca của phụ nữ cung đình thời Đường* (Trương Hồng, 2013);... Dễ thấy, những công trình nêu trên đã đề cập đến cả 3 bộ phận thơ ca mà người viết vừa nêu. Trong khi đó, đối với trường hợp thơ ca của các nhà thơ nữ trong *Manyoshu*, các nghiên cứu được triển khai theo hướng thứ hai này có số lượng ít hơn và mới tập trung đi sâu vào loại hình phụ nữ cung đình, tiêu biểu là: *Các nữ vương thời sơ kỳ Manyo* (Kanda Hideo, 1969); *Sự hình thành các nhà thơ nữ cung đình* (Akiyama Ken, 1967); *Manyoshu của các nữ hoàng đế* (Tsukushi Bansei, 2010);...

(c) Hướng thứ ba là nghiên cứu thi phẩm của một nữ tác gia cụ thể, hay còn gọi là nghiên cứu trường hợp (case study). Tuy nhiên, hiện nay phần lớn các công trình mới chỉ hướng đến các nữ thi nhân có số lượng thi phẩm lớn, được nhiều người biết đến như Tiết Đào và Ngự Huyền Cơ (đối với trường hợp *Toàn Đường thi*), Quận chúa Nukata và Công nương Otomo no Sakanoue (đối với trường hợp *Manyoshu*). Ví dụ, về tác gia Tiết Đào, có thể kể đến các nghiên cứu như: *Nhà thơ Trung Quốc Tiết Đào: Cuộc đời và tác phẩm của một phụ nữ thời Trung Đường* (Jeanne, Larsen, 1980); *Nghiên cứu Tiết Đào và thi phẩm của bà* (Tô San Ngọc, 1994); *Nghiên cứu con người và thơ ca của Tiết Đào* (Doãn Diễm Huy, 2005); *Nghiên cứu thơ ca của Tiết Đào* (Uông Tiểu Yến, 2009); *Tế nhịch phong quang ngã độc tri: Nghiên cứu nữ thi nhân thời Trung Đường Tiết Đào* (Ứng Khắc Vinh, 2014);... Về tác gia Ngự Huyền Cơ,

cũng có một số công trình đáng chú ý như: *Thơ ca của Ngự Huyền Cơ: Biên dịch, chú thích, bình luận và đánh giá* (Jan Walls, 1972); *Nghiên cứu nhà thơ nữ quan thời Đường Ngự Huyền Cơ* (Hoàng Tuyền My, 2005); *Nghiên cứu thơ ca của Ngự Huyền Cơ* (Đương Khải Lệ, 2010); *Nan đắc hữu tâm lang: Thơ và tình của Ngự Huyền Cơ* (Trần Trung Đào - Lý Ngạn Tường, 2014);... Trong khi đó, có 36 công trình nghiên cứu về thơ ca của Quận chúa Nukata, 21 công trình nghiên cứu về thơ ca của Công nương Otomo no Sakanoue. Đặc biệt, việc nghiên cứu so sánh các nữ thi nhân trong *Toàn Đường thi* và *Manyoshu* cũng đã bước đầu được đặt ra với một vài bài báo của Đặng Hoan (2011) và Chân Chu Bình (2013) liên quan đến hai tác gia nổi tiếng Thượng Quan Uyển Nhi và quận chúa Nukata. Căn cứ vào số lượng, có thể thấy khuynh hướng nghiên cứu thứ ba này hiện đang chiếm ưu thế.

2. Phương pháp nghiên cứu

Loại hình học tác giả văn học, văn hóa học và ngôn ngữ học là những phương pháp chính được sử dụng trong mảng nghiên cứu thơ ca phụ nữ trong *Toàn Đường thi* và *Manyoshu* hiện nay. Một điểm nổi bật là các nhà nghiên cứu đã chú ý phối hợp nhiều phương pháp trong công trình của mình để nâng cao hiệu quả khai thác văn bản, thay vì ứng dụng đơn lẻ một phương pháp duy nhất. Cụ thể, phương pháp loại hình học tác giả văn học và văn hóa học thường được áp dụng vào việc nghiên cứu các giá trị nội dung của tác phẩm. Theo đó, các học giả đi trước đã phân loại đội ngũ nữ thi nhân trong hai bộ thi tuyển thành nhiều tiểu nhóm (phụ nữ cung đình, phụ nữ quan lại, phụ nữ bình dân, ni cô, nữ đạo sĩ, xướng kỹ), phân tích kỹ lưỡng nhiều thi phẩm cụ thể, đồng thời

đặt tất cả trong bối cảnh văn hóa, xã hội thời Đường (đối với trường hợp *Toàn Đường thi*) và thời Asuka - Nara (đối với trường hợp *Manyoshu*) nói chung và đời sống của từng tầng lớp phụ nữ nói riêng để khắc họa hình ảnh người phụ nữ đương thời với nhiều sắc màu đa dạng. Trong khi đó, phương pháp ngôn ngữ học lại được ứng dụng vào quá trình phân tích các đặc trưng hình thức thơ ca với các hướng đi cụ thể là tu từ học truyền thống (điển cố đối với thơ Đường hoặc makura-kotoba và jo-kotoba đối với waka trong *Manyoshu*) và tu từ học hiện đại (các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ). Kết quả, nhiều công trình có giá trị đã ra đời, phủ rộng trên cả 3 khuynh hướng nghiên cứu tổng quan, bộ phận và trường hợp. Tuy nhiên, theo quan điểm của người viết, đa phần các nghiên cứu hiện nay đều chưa đưa ra được một cái nhìn tổng quan về tình hình sáng tác và các đặc điểm của thơ ca các nữ tác gia trong hai bộ thi tuyển trên cả hai phương diện nội dung và hình thức.

* Về mặt nội dung: Mặc dù việc phân loại các nữ thi nhân thành nhiều kiểu tác giả là cần thiết do những khác biệt về bối cảnh sinh hoạt, nhân tố ảnh hưởng rất lớn đến nội dung chủ đề trong thơ ca của họ, song trên hết, cần nhìn nhận toàn bộ các tiểu loại này như một chỉnh thể đại diện cho “một nửa nhân loại” để có được một đánh giá mang tính tổng quát về thơ ca phụ nữ. Trên thực tế, ngay cả các nghiên cứu đi theo khuynh hướng tổng quan cũng thường “cắt lát”, phân loại các nữ thi nhân thành từng nhóm nhỏ, thậm chí là từng tác giả nhỏ để tiến hành nghiên cứu riêng rẽ thành từng chương, từng mục, trừ trường hợp *Nghiên cứu thơ ca của các nhà thơ phụ nữ trong thơ Đường* (Tăng Vĩnh Thi, 2009) và *Nghiên cứu các nhà thơ*

nữ thời Đường (Dương Tuyết, 2015). Vì vậy, các nghiên cứu này chỉ đơn thuần là sự hợp nhất các loại hình nữ thi nhân hoặc các nữ thi nhân cụ thể trong một công trình lớn, thay vì đưa ra một cái nhìn tổng thể về nội dung và hình thức trong thơ ca của các nữ tác gia.

* Về mặt hình thức: Tuy việc nghiên cứu đặc trưng hình thức thơ ca phụ nữ trong *Toàn Đường thi* và *Manyoshu* theo hai hướng tu từ học truyền thống và tu từ học hiện đại đã đạt được một số thành tựu nhất định, song cả hai hướng đi này đều không thấu triệt được nội hàm văn hóa, bao gồm cả đời sống vật chất và tinh thần của các nữ thi nhân Trung Hoa và Nhật Bản đương thời và sẽ gặp phải hạn chế rất lớn nếu triển khai nghiên cứu so sánh thơ ca phụ nữ trong hai bộ thi tuyển với nhau. Mặt khác, hướng tiếp cận thi pháp học theo mô hình không - thời gian (chronotope) của Bakhtin, một trong những thành tựu quan trọng của thi pháp học thế kỷ XX vẫn chưa được quan tâm ứng dụng. Trong số các nghiên cứu hữu quan, *Nghiên cứu thơ ca nữ tính thời Đường* (Du Thế Phân, 2005) là trường hợp duy nhất đi theo hướng này. Cụ thể, tác giả đã nghiên cứu không gian nghệ thuật dưới hai chiều cạnh: không gian hiện thực (không gian xã hội) và không gian sinh hoạt và thời gian nghệ thuật theo hai hướng: hướng về quá khứ và hướng về tương lai. Tuy nhiên, do phạm vi nghiên cứu của Du Thế Phân không chỉ giới hạn trong phạm vi thơ ca do các nhà thơ nữ sáng tác mà còn bao gồm cả thi phẩm do các nhà thơ nam giới viết về phụ nữ nên những kết quả mà tác giả đưa ra đều là sự khái quát từ cả hai bộ phận tác phẩm nêu trên, không đại diện riêng cho người phụ nữ thời Đường. Dù vậy, người

viết cho rằng, đây là hướng đi chứa đựng nhiều triển vọng phát triển, góp phần đưa ra được nhiều kết luận có giá trị về mối tương quan giữa hai yếu tố này với đời sống của người phụ nữ thời Đường và những quan niệm về không gian, thời gian của người Trung Quốc thời cổ đại.

II. Khái lược và bình giá một số công trình nghiên cứu tiêu biểu

1. Nghiên cứu tổng quan về thơ ca phụ nữ trong *Toàn Đường thi*

Tác phẩm đầu tiên nghiên cứu thơ ca của các nữ tác gia trong *Toàn Đường thi* là *Các nữ thi nhân thời Đường* (1931) của học giả Lục Tinh Thanh thời cận đại. Nét đặc sắc nhất của cuốn sách là đã tiến hành phân kỳ được hai thời kỳ phát triển của thơ ca phụ nữ thời Đường: thời kỳ Sơ - Thịnh Đường thuộc về các phụ nữ cung đình và thời kỳ Trung - Vãn Đường thuộc về các phụ nữ khuê các, nữ quan và xướng kỹ. Tác giả cũng đã đưa ra những kiến giải hợp lý, thuyết phục về nguyên nhân tạo nên sự chuyển biến đội ngũ nữ tác gia trong hai thời kỳ này. Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu đặc điểm nội dung và hình thức của thi phẩm, Lục Tinh Thanh chỉ lựa chọn phân tích sâu về ba nhà thơ đại diện cho từng loại hình tác gia: Thượng Quan Uyên Nhi đại diện cho phụ nữ cung đình, Ngư Huyền Cơ đại diện cho nữ quan, Tiết Đào đại diện cho xướng kỹ, còn đối với các nhà thơ khác, Lục Tinh Thanh chỉ giới thiệu sơ lược về tiểu sử và trích lại một số thi phẩm. Hơn thế, việc thống kê các tác gia và thi phẩm cũng chưa thực sự đầy đủ. Vì vậy, *Các nữ thi nhân thời Đường* mới dừng lại ở một cuốn sách khơi nguồn, gợi mở. Các nhà nghiên cứu sau này cần tiến hành áp dụng các lý thuyết nghiên cứu văn học để đào sâu hơn về đề tài.

So với *Các nữ thi nhân thời Đường* của Lục Tinh Thanh, *Nghiên cứu nữ thi nhân thời Đường* (1978) của Trương Huệ Quyên có thể xem là một bước chuyển mình đầu tiên về phương pháp nghiên cứu. Mặc dù vẫn dành một lượng lớn dung lượng của luận văn để trình bày tiểu sử và liệt kê trước tác của toàn bộ 106 nữ thi nhân, song trong chương cuối, tác giả đã bắt đầu tiến hành khái quát hóa một số đặc trưng về nội dung và hình thức của các thi phẩm này. Cụ thể:

* Về nội dung chủ đề: Học giả họ Trương đã nêu lên được một số chủ đề chính trong thơ ca phụ nữ thời Đường, gồm cung oán, khuê tình, vịnh vật, biên tái, dân tộc, tụng tán và tả cảnh, tuy nhiên tất cả mới chỉ dừng lại ở mức chỉ điểm và liệt kê một vài ví dụ, chưa có những phân tích sâu đối với những tác phẩm cụ thể, đồng thời cũng chưa lý giải được sự tồn tại của các đề tài trong mối liên hệ với bối cảnh văn hóa - xã hội đương thời và đánh giá ý nghĩa của các chủ đề đó.

* Về hình thức nghệ thuật: Với hướng triển khai thiên về mặt ngôn ngữ học, tác giả đưa ra ba luận điểm chính: Thứ nhất là thơ của phụ nữ không có độ sâu rộng, hùng hồn như thơ của các nhà thơ nam, ngược lại có phần nông cạn, thô thiển; Thứ hai là các nhà thơ nữ thường sử dụng phép song quan ngữ, phép nối đuôi, phép hồi văn, phép đối và điển cố; Thứ ba là thể thơ hoàn bị, trong đó các thể thơ ngắn như thất ngôn tuyệt cú và ngũ ngôn tuyệt cú chiếm ưu thế. Có thể thấy, nhận xét như vậy có những điểm chính xác song đôi khi khá phiến diện khi quy chụp thơ ca của các nữ thi nhân nông cạn và thô thiển hơn thơ ca của các nhà thơ nam. Mặt khác, do các nhà thơ nam cũng sử dụng các biện pháp tu từ và thể thơ với khuynh hướng tương tự nên những khái quát của tác giả không thể hiện hết được những đặc

trung mang tính văn hóa - xã hội của thơ ca phụ nữ thời Đường.

Với dung lượng 343 trang, *Nghiên cứu chốn màn khuê - Các nữ thi nhân thời Đường* (1991) của Tô Giả Thông có thể được coi là nghiên cứu hoàn chỉnh nhất về thơ ca phụ nữ thời Đường tính đến thời điểm hiện tại. Áp dụng hai phương pháp văn hóa học và loại hình học, Tô Giả Thông đã phân các nữ thi nhân thời Đường thành 12 nhóm, gồm: hoàng đế - hoàng hậu - công chúa, phi tần, phụ nữ cung đình, cung nữ, phụ nữ quan lại, cơ thiếp, phụ nữ bị bỏ rơi, phụ nữ nhớ chồng, phụ nữ có chồng là thương nhân, phụ nữ có chồng đi lính, kỹ nữ, nữ quan - ni cô, đồng thời phân tích hoàn cảnh sống của từng nhóm kể trên để đối chiếu với đặc điểm thơ ca của họ. Tác giả còn dành hai chương để nghiên cứu riêng trường hợp của Tiết Đào và Ngư Huyền Cơ. Tuy nhiên, có thể cách phân loại nêu trên có phần tản mạn và không thống nhất, ví dụ nhóm phụ nữ bị bỏ rơi nhấn mạnh đến tình trạng hôn nhân, nhóm phụ nữ nhớ chồng nhấn mạnh đến trạng thái cảm xúc, nhóm cơ thiếp nhấn mạnh đến địa vị trong hôn nhân,... Mặt khác, trong từng chương, trừ phần trình bày về hoàn cảnh sống của loại hình tác gia, Tô Giả Thông vẫn đi theo lối mòn phân tích thơ ca của từng nữ thi nhân, thay vì đưa ra những đặc trưng chung trong thơ ca của họ. Bên cạnh đó, mặc dù nghiên cứu theo từng tác gia và chú ý bổ sung thêm một số tác gia - tác phẩm không xuất hiện trong *Toàn Đường thi* như Tô thị chức cấm hời văn ký của Võ Tắc Thiên, Tô Giả Thông vẫn bỏ qua 59 bài giao miếu ca từ của Võ Tắc Thiên và Vi hoàng hậu được ghi lại trong *Toàn Đường thi*, một mảng thơ rất có giá trị trong tổng thể thơ ca phụ nữ thời Đường.

Với dung lượng 320 trang, *Bích ngọc hồng tiên tả tự tùy - Tổng luận về thơ ca phụ nữ thời Đường* (2004) của Nghiêm Kỷ Hoa là một công trình dày dặn không thể bỏ qua trong các nghiên cứu về thơ ca các nữ tác gia trong *Toàn Đường thi*. Áp dụng phương pháp văn hóa học và loại hình học, trong chương 1, Nghiêm Kỷ Hoa trình bày tình hình phát triển của thơ Đường và hoàn cảnh sống của người phụ nữ thời Đường, coi đây là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và các đặc điểm của thơ ca phụ nữ, còn trong 5 chương sau, tác giả tập trung khảo sát thơ ca của các nữ tác gia thời Đường theo 5 loại hình nữ tác gia: Phụ nữ cung đình, phụ nữ khuê các, nữ quan và ni cô, xướng kỹ, thân nữ - ma nữ - tiên nữ. So với cách phân loại của Tô Giả Thông, cách phân loại của Nghiêm Kỷ Hoa có xu hướng khái quát hơn (5 so với 12 loại hình nữ thi nhân) và có sự bổ sung loại hình thân nữ - ma nữ - tiên nữ. Tuy nhiên trong quá trình triển khai cụ thể ở từng chương, tác giả vẫn phân tích thơ ca của từng tác gia cụ thể mà thiếu đi một cái nhìn tổng quát đối với thơ ca của từng nhóm nữ tác gia. Mặt khác, có thể thấy, dù đưa ra bảng thống kê được 127 nữ thi nhân xuất hiện trong các quyển 5, 7, 9, 797-805 của *Toàn Đường thi* song trong quá trình triển khai theo hướng chi tiết đến từng tác gia, tác giả vẫn chưa khai thác hết thi phẩm của toàn bộ các nhà thơ. Mặt khác, nếu Tô Giả Thông phân tích kỹ lưỡng thơ ca của các tác gia được lựa chọn trên cả hai phương diện nội dung và hình thức, thì Nghiêm Kỷ Hoa chỉ tiến hành thao tác như vậy đối với các nữ thi nhân nổi bật như Tiết Đào, Ngưu Huyền Cơ. Đối với các tác gia còn lại, học giả này trong một số trường hợp chỉ thuật lại thông tin tiểu sử và trích thơ của thi

nhân mà thiếu đi những phân tích cụ thể. Riêng đối với hệ thống giao miếu ca từ của Võ Tắc Thiên và Vi hoàng hậu, so với các nghiên cứu khác về thơ ca phụ nữ thời Đường, Nghiêm Kỷ Hoa đã có sự tìm hiểu sơ lược, trích dẫn thơ và nêu mục đích sử dụng của thể loại này.

Thơ ca phụ nữ thời Đường - Ngũ Đại (2004) của Quách Hải Văn là một công trình tương đối công phu với 3 phần chính: Phần thứ nhất áp dụng phương pháp văn bản học đã khảo cứu chi tiết việc thu thập thơ ca của phụ nữ thời Đường - Ngũ Đại trong các bộ thi tuyển cổ của Trung Quốc suốt từ thời Đường đến thời Thanh được tập hợp trong *Tứ khố toàn thư*, ví dụ như: *Trung hưng gian khí tập*, *Đường âm thập tứ quyển*, *Danh viện thi quy*,... Phần thứ hai đi theo hướng phân kỳ lịch đại, tiến hành thống kê và chia lịch sử nghiên cứu thơ ca phụ nữ thời Đường - Ngũ Đại thành 3 thời kỳ lớn. Đây có thể xem là đóng góp quan trọng nhất của công trình này so với các công trình cùng loại. Cuối cùng, trong phần thứ ba, cũng là phần quan trọng nhất của công trình, với hướng tiếp cận văn học sử và loại hình học tác giả văn học, tác giả đã phân chia 95 nữ thi nhân trong phạm vi khảo sát của mình vào 6 khoảng thời gian, tương ứng với các thời kỳ Sơ Đường, Thịnh Đường, Đại Lịch, Trung Đường, Văn Đường, Ngũ Đại, mỗi thời kỳ lại tiếp tục chia thành các nhóm nữ tác gia như cung đình, quan lại, bình dân, kỹ nữ, nữ quan để tiến hành phân tích. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, Quách Hải Văn vẫn đi theo lối mòn diễn giải tiểu sử và bình giá trước tác của từng nữ thi nhân nên vẫn chưa làm bật lên được các đặc trưng của thơ ca phụ nữ trong mỗi thời kỳ. Các nội dung liên quan đến đề tài và hình thức

thơ ca mang tính khái quát chỉ được trình bày trong một dung lượng khá hạn chế (11 trang). Cụ thể, về nội dung, tác giả mặc dù đã bước đầu chỉ ra các đề tài gồm tế tự, ứng chế phụng hoạ, biên tái, sơn thủy, vịnh sử, lý tưởng chính trị, đời sống phụ nữ lao động, tình yêu, đời sống cung đình, song cũng mới chỉ liệt kê một hai bài thơ có liên quan, chưa đi sâu phân tích. Về hình thức, tác giả cũng mới dừng lại ở việc khẳng định sự hoàn bị về thể thơ và ưu thế của luật thi. Các yếu tố hình thức khác chưa được đề cập đến.

Nghiên cứu thơ ca của các nhà thơ phụ nữ trong thơ Đường (2009) của Tăng Vịnh Thi có điểm mạnh là đã bắt đầu phân tích nội dung của thơ ca phụ nữ thời Đường theo từng chủ đề và đã chỉ ra được một số chủ đề quan trọng như: i) Khát khao tình yêu hạnh phúc; ii) Sự bất lực của phụ nữ cung đình; iii) Niềm ai oán của những người vợ bị ruồng bỏ; iv) Nỗi ân hận của những người vợ lấy chồng là thương nhân; v) Nỗi nhớ và sự chờ đợi của những người vợ lấy chồng chinh chiến nơi xa; vi) Lý tưởng về đất nước và hoài bão cá nhân. Song theo người viết, cách phân loại này vẫn chưa bao quát được hết những chủ đề xuất hiện trong các thi phẩm, mà chỉ tập trung vào hai nhóm tình yêu nam nữ (các chủ đề i-v) và lý tưởng - hoài bão, một phần là do phạm vi xử lý văn bản của tác giả chỉ giới hạn trong 59/129 nữ thi nhân trong *Toàn Đường thi*, hơn thế, ngay cả từng tác gia, tác giả cũng chưa tiến hành nghiên cứu toàn bộ thi tác của họ. Mặt khác, do tác giả đi theo hướng tiếp cận văn học truyền thống, không chú ý đến các giá trị lịch sử của văn bản văn học - hướng nghiên cứu chủ đạo trong nghiên cứu văn học hiện nay nên 59 bài giao miếu ca từ

của Võ Tắc Thiên - Vi hoàng hậu, 158 bài Cung từ của Hoa Nhị phu nhân cũng như một số bài thơ trò chuyện với khách hàng của các thị kỹ đã bị bỏ qua. Thậm chí, ngay cả trong mảng chủ đề tình yêu nam nữ, chủ đề liên quan đến tâm trạng của các phụ nữ có chồng là quan lại cũng không được nhắc đến. Ngoài ra, khía cạnh hình thức nghệ thuật của thơ ca phụ nữ trong *Toàn Đường thi* hoàn toàn không được nhắc đến.

So với các nghiên cứu nêu trên, *Nghiên cứu các nhà thơ nữ thời Đường* (2015) của Dương Tuyết đã lần đầu tiên tiếp cận đầy đủ cả hai khía cạnh: Nội dung chủ đề với 7 nhóm (ứng chế du yển, khuê oán ái tình, giao du tặng đáp, tả cảnh vịnh vật, biên tái, vịnh sử, dân tục) và hình thức nghệ thuật với 3 đặc điểm (cách thức biểu đạt tình cảm, cách thức lựa chọn hình tượng, tâm thái đối thoại). Do đi theo từng chủ đề và đặc trưng nghệ thuật nên thơ ca của các nhà thơ nữ được phân tích đánh giá một cách tương đối thống nhất và liền mạch, thay vì cách tiếp cận theo từng tác giả như nhiều nghiên cứu khác, gây ra sự lộn xộn trong việc xây dựng một cái nhìn tổng thể về nội dung và hình thức. Nhìn chung, nếu xét trên trên khía cạnh nội dung, có thể nói tác giả đã bao quát được hầu hết các chủ đề xuất hiện trong thơ ca của phụ nữ thời Đường, trừ mảng thơ tế lễ của Võ Tắc Thiên và Vi hoàng hậu. Tuy nhiên, trên khía cạnh hình thức nghệ thuật, do thiếu một phương pháp tiếp cận thống nhất nên các đặc điểm được lựa chọn có phần tùy tiện, thiếu sự liên kết.

2. *Nghiên cứu tổng quan về thơ ca phụ nữ trong Manyoshu*

Các nhà thơ nữ xuất hiện trong Manyoshu và thơ ca của họ (Seki Misao, 1929), *Giải thích và bình luận các tác gia*

trong *Manyoshu* (tập 7): *Các nhà thơ nữ* (Kawada Jun, 1936), *Thơ ca của phụ nữ trong Manyoshu* (Hội Ofu thuộc Đại học Nữ sinh Nhật Bản, 1940) là 3 công trình mở đầu cho lĩnh vực nghiên cứu thơ ca của các nữ thi nhân trong *Manyoshu* tại Nhật Bản. Tuy nhiên, do đi theo hướng giải thích và bình luận từng tác gia và từng thi phẩm của họ nên những tác phẩm này chưa giúp độc giả có được một cái nhìn tổng thể về những đặc điểm và giá trị của thơ ca các nữ tác gia trong *Manyoshu*, dù cả ba học giả đều đã thống kê và phân tích được một cách tương đối đầy đủ các nữ tác gia trong *Manyoshu* và toàn bộ thi phẩm của họ (lần lượt là 105, 93 và 117 nữ tác gia), điều mà nhiều nghiên cứu đi theo hướng này về sau không thực hiện được.

Áp dụng phương pháp loại hình học, *Phụ nữ trong Manyoshu* (1978) của Higuchi Kiyoyuki là công trình đầu tiên thoát khỏi hướng nghiên cứu chi tiết từng thi phẩm của các nữ tác gia trong *Manyoshu*. Cụ thể, Higuchi Kiyoyuki đã phân loại các nữ tác gia trong *Manyoshu* thành 3 nhóm: phụ nữ cung đình, phụ nữ bình dân và du nữ. Điểm đặc sắc nổi bật của cuốn sách là tác giả đã khai thác sâu nhiều khía cạnh dân tộc học của các thi phẩm, ví dụ như: tín ngưỡng (chương 6), lao động (chương 7), tình yêu - hôn nhân (chương 8). Có thể thấy, tuy được viết cách đây khá lâu, song hướng tiếp cận này đến nay vẫn tiếp tục nhận được sự quan tâm của các học giả trên thế giới. Tuy nhiên, *Phụ nữ trong Manyoshu* hầu như chưa khai thác khía cạnh hình thức nghệ thuật của các tác phẩm này và soi chiếu chúng trong bối cảnh văn hóa đương thời. Mặt khác, tác phẩm cũng không tiến hành thống kê, phân loại được một cách đầy đủ các nữ thi nhân trong

Manyoshu và thi phẩm của họ. Các phân tích sâu về khía cạnh dân tộc học trong nghiên cứu này chỉ được tiến hành trên cơ sở khảo sát những thi phẩm có liên quan đến vấn đề dân tộc học mà tác giả đưa ra, thay vì phân tích toàn bộ thi phẩm của các nữ tác gia và rút ra kết luận.

Vạn Diệp nữ bách hoa phổ (1979) của Shima Eimi cũng là một công trình nghiên cứu khá kỹ lưỡng thơ ca của các nữ tác gia trong *Manyoshu* theo phương pháp loại hình học. Cụ thể, các chương của tác phẩm lần lượt triển khai phân tích nội dung và hình thức nhiều thi phẩm của 10 loại hình nữ thi nhân: i) Phụ nữ hoạt động chính trị; ii) Phụ nữ rơi vào tình yêu bị cấm đoán; iii) Phụ nữ khó xử vì tình yêu; iv) Phụ nữ có lòng tự trọng cao; v) Phụ nữ yêu đơn phương; vi) Vợ của lính thú; vii) Mẹ của kentoshi; viii) Phụ nữ dịu dàng quan tâm đến chồng; ix) Phụ nữ vô danh; x) Phụ nữ biết được sự quyến rũ của bản thân. Tuy nhiên, dễ nhận thấy rằng cách phân loại này thiếu một tiêu chí thống nhất, ví dụ: Nhóm i nhấn mạnh đến phương diện nghề nghiệp; Nhóm ii, iii, v, viii thiên về các tâm trạng trong tình yêu; Nhóm iv, x đặt nặng vấn đề tính cách; Nhóm vi, vii được phân loại theo nghề nghiệp của chồng; Nhóm ix chỉ đơn thuần được xác định bằng tiêu chí tên tuổi. Mặt khác, trong từng loại hình, tác giả chỉ chọn một vài gương mặt thi nhân tiêu biểu và những bài thơ có nội dung phù hợp với tiêu đề của chương. Một nữ thi nhân đã xuất hiện ở chương này sẽ không còn xuất hiện ở chương khác. Rõ ràng, hướng triển khai này sẽ dẫn đến tình trạng bỏ qua một lượng không nhỏ thi phẩm thuộc nhiều nội dung khác nhau được cùng một nữ thi nhân sáng tác. Hơn thế, Shima Eimi chỉ

khảo sát những bài thơ có nội dung về tình yêu, các thi phẩm có nội dung khác hoàn toàn không được đề cập đến.

Những gương mặt phụ nữ trong Manyoshu (1977) của Otani Masumi, *Phụ nữ trong Kojiki - Nihonshoki và Manyoshu* (1988) của Kubo Akio và *Các nữ thi nhân trong Manyoshu* (1998) của Sugimoto Sonoko chỉ nghiên cứu thơ ca của một số lượng nữ tác gia rất nhỏ, lần lượt là 20 người, 17 người và 24 người, trong đó phụ nữ cung đình và phụ nữ gia đình được tách thành nhiều chương, mỗi chương ứng với một nữ thi nhân, còn du nữ (đối với tác phẩm của Kubo Akio) và phụ nữ lao động, vợ lính thú (đối với tác phẩm của Sugimoto Sonoko) được nghiên cứu chung trong cùng một chương. Hướng triển khai này tuy phù hợp với sự chênh lệch số lượng tương đối lớn giữa các nữ tác gia, song khó tạo nên cái nhìn tổng thể về đặc điểm thơ ca của phụ nữ cung đình và phụ nữ gia đình.

III. Kết luận

Như vậy, trong hơn một thế kỷ qua, nghiên cứu thơ ca của các nữ tác gia trong *Toàn Đường thi* và *Manyoshu* tại Trung Quốc và Nhật Bản đã đạt được những thành tựu nhất định, đặc biệt là những nghiên cứu theo hướng nghiên cứu bộ phận và nghiên cứu trường hợp. Tuy nhiên, nghiên cứu theo hướng tổng quan vẫn còn một số hạn chế khi chưa thực sự đưa ra một cái nhìn tổng thể trên cơ sở khảo sát toàn bộ trước tác của các nữ thi nhân trong hai bộ thi tuyển và quá thiên về hướng tu từ học, ít áp dụng các phương pháp nghiên cứu mới như thi pháp học. Hơn thế, nghiên cứu theo hướng so sánh giữa thơ ca của các nữ thi nhân hai nước trong *Toàn Đường thi* và *Manyoshu* vẫn chưa được đặt ra. Đây là những khoảng trống mà các học giả Việt Nam có thể quan tâm nghiên cứu, từ đó,

đóng góp vào sự phát triển của lĩnh vực nghiên cứu thơ ca phụ nữ nói riêng và văn học cổ điển Đông Á nói chung □

Tài liệu tham khảo

1. 曾詠詩（2009年）“唐詩中的婦女詩人詩歌研究” 私立輔仁大學中國古代文學碩士論文。
2. 郭海文（2004年）“唐五代女性詩歌研究” 陝西師範大學古代文學博士論文。
3. 陸晶清（1931年）“唐代女詩人” 神州國光社。
4. 苏者聰（1991年）“閨帏的探視：唐代女詩人” 湖南文藝出版社。
5. 嚴紀華（2004年）“碧玉紅牋寫自隨：綜論唐代婦女詩歌” 秀威資訊。
6. 楊雪（2015年）“唐代女性詩人研究” 山東大學中國古代文學碩士論文
7. 俞世芬（2005年）“唐代女性詩歌研究” 浙江大學中國古代文學博士論文。
8. 張慧娟（1978年）“唐代女詩人研究” 中國文化學院中國文學研究所碩士論文。
9. 関みさを（1929年）“万葉に現れたる女流歌人とその歌” 博文館。
10. 久保昭雄（1988年）“記紀 万葉の女性” 武蔵野書院。
11. 山路麻芸（1977年）“万葉の女人像” 春秋社。
12. 川田順（1936年）“女流歌人』非凡閣。
13. 嶋栄美（1979年）“万葉女百花譜” 權書房。
14. 日本女子大学校桜楓会（1940年）“万葉集女性の歌” 高陽書院。
15. 樋口清之（1978年）“万葉女人” 講談社。